

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT

Ngày: 10-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Lương Thanh Chín

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐ-PT ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng H, sinh năm 1966.

- *Bị đơn:* + Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966.

+ Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn Láng Gòn 1, xã T X, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa, có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Trương Hồng H trình bày:

Trong năm 2019, vợ chồng bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Văn L có vay của bà số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 30/01/2019, ông L, bà H vay của bà 100.000.000 đồng để sửa quán cháo lòng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng.

- Ngày 18/5/2019, ông L, bà H vay thêm bà 30.000.000 đồng để chong đèn thanh long, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng.

Từ khi vay đến nay vợ chồng bà H, ông L chưa trả cho bà hai khoản vay trên. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà H trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng và 54.055.557 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà H trả cho bà 130.000.000 đồng tiền gốc, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông, bà thừa nhận là trước đây có vay của bà Trương Hồng H 02 lần với số tiền 130.000.000 đồng. Khi vợ chồng ông bà vay số tiền 1.450.000.000 đồng thì bà H cán trừ khoản tiền này và chỉ đưa lại cho vợ chồng ông bà 1.320.000.000 đồng. Vì vậy, ông bà không có trách nhiệm trả khoản nợ này nữa vì đã gộp chung tất cả các khoản nợ này vào khoản nợ 1.450.000.000 đồng mà Tòa án đang giải quyết trong vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hồ Thị Thu H thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà H số tiền 130.000.000 đồng, số tiền này không liên quan đến khoản vay theo như bản cam kết ngày 07/10/2020, cũng như không liên quan đến khoản vay 1.450.000.000 đồng mà vợ chồng bà trình bày trong bản tự khai ngày 04/5/2021. Bà H cho rằng khoản vay 100.000.000 đồng bà đã trả được khoản 5.000.000 đồng; khoản vay 30.000.000 đồng ông L đã trả dứt điểm cho bà H. Vì vậy, bà chỉ đồng ý trả cho bà H khoản tiền còn nợ là 95.000.000 đồng.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 02/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 33/2021/DS-ST, quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng Hà.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thu H phải trả cho bà Trương Hồng H số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 12/12/2021, bị đơn Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Trương Hồng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H vì khoản vay 30.000.000đ ông đã trả cho bà H; khoản vay 100.000.000đ thì khi ông

vay 1.450.000.000đ bà H đã căn trừ số nợ 100.000.000đ nên vợ chồng ông không còn nợ bà H nữa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu: Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị Thu H là bị đơn, không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà H như đề nghị của đương sự có mặt tại phiên tòa và của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà H trả 2 khoản nợ vay với số tiền 130.000.000 đồng, không tính lãi suất và cung cấp 02 giấy mượn tiền; giấy mượn tiền ngày 30/01/2019 có nội dung: “Tôi tên Hồ Thị Thu H có nhờ chị H vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất 2%... Ký tên Hồ Thị thu h”. Giấy mượn tiền ngày 18/5/2019 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Văn L, vợ Hồ Thị Thu H có mượn tiền của chị H số tiền là 30.00.000đ (ba mươi triệu). Ký tên Nguyễn Văn L, Hồ Thị Thu H”. Ông L, bà H thừa nhận có vay tiền của bà H tổng cộng 2 khoản là 130.000.000 đồng. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định vợ chồng ông L, bà H có vay của bà H hai khoản, tổng cộng là 130.000.000đ.

[3] Ông L, bà H trình bày số nợ 30.000.000 đồng ông L đã trả cho bà H, lời khai của ông L, bà H không được bà H thừa nhận, giấy mượn tiền vẫn do bà H giữ. Ngoài lời khai, ông L bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc trả nợ. Do vậy, bà H yêu cầu ông L, bà H trả cho bà khoản vay này là có căn cứ.

[4] Ngoài hai khoản vay trên, ông L, bà H còn vay của bà H số tiền 1.450.000.000đ. Ông L cho rằng khi vay số tiền này, bà H đã căn trừ số nợ cũ là 100.000.000đ, nên khi giao tiền, bà H không giao đủ 1.450.000.000đ, nên khoản vay 100.000.000đ ông đã trả cho bà H. Ông L không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình và cho rằng khi khoản nợ cũ chưa trả thì không khi nào chủ nợ lại tiếp tục cho vay khoản nợ mới, nên chắc chắn khi vay khoản mới thì chủ nợ sẽ căn trừ khoản nợ cũ. Lời khai của ông L không được bà H thừa nhận, bà H cho rằng khi cho vợ chồng ông L vay 1.450.000.000đ, bà không căn trừ khoản nợ cũ là 100.000.000đ vì khoản nợ này chỉ một mình bà H viết giấy mượn tiền, ông L không ký vào giấy mượn tiền nên ông L không đồng ý khấu trừ. Mặt khác, bà cho vợ chồng ông L vay 1.450.000.000đ là để vợ chồng bà H ông L trả nợ ngân hàng lấy lại giấy tờ đất sau đó chuyển nhượng cho bà. Ngoài ra, lời

khai của bà H (vợ ông L) cũng mâu thuẫn với lời khai của ông L, bà H cho rằng khoản vay 100.000.000đ và khoản vay 1.450.000.000đ là hai khoản vay khác nhau, khoản vay 100.000.000đ bà đã trả được 5.000.000đ, nên bà đồng ý trả cho bà Hương 95.000.000đ, sau khi xét xử sơ thẩm, bà H cũng không kháng cáo. Ông L khai đã trả cho bà H 100.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà H yêu cầu ông L, bà H trả cho bà khoản vay này là có căn cứ.

[5] Kháng cáo của ông L không có căn cứ nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng H.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thu H phải trả cho bà Trương Hồng H số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thu H phải chịu 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân

sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007033 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Trương Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Hồng H số tiền 4.404.000 đồng (bốn triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006795 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/5/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân